

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 24 - 9 - 2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Văn Nhật. Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

Nơi cư trú: Xã Song Phượng, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị Chiêu. Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu.

Nơi cư trú: Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Ngô Anh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2021/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXX-ST ngày 07 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1990; có mặt.

ĐKKHKT: Thôn B, xã Đ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; địa chỉ: Tổ 1, Tỉnh Quang, phường Giang Biên, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1987; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

ĐKKHKT: Thôn B, xã Đ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 25, phân trại số 2, trại giam Thanh Phong, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963; cùng địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; bà C có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Tiến D tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội vào ngày 28/2/2012. Sau khi kết hôn, chị về sinh sống tại gia đình nhà anh D. Tình cảm vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc, đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên chưa hiểu nhau và không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, vì vậy chị đã bỏ nhà đi. Gia đình anh D có động viên chị về đoàn tụ nhưng chị không về. Đến năm 2017 thì anh D vi phạm pháp luật và đã bị Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng xét xử, hiện đang phải chấp hành án phạt tù tại Đội 25, phân trại số 2, trại giam Thanh Phong ở huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa. Từ khi anh D đi chấp hành án thì chị không hỏi han, quan tâm đến anh D. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh D không còn nên chị tha thiết xin được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Tiến D có 01 con chung là cháu Nguyễn Chí Vĩ, sinh ngày 11/8/2012. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Vĩ và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công sức, về nợ: Không có.

- Tại Trại giam Thanh Phong anh Nguyễn Tiến D có ý kiến trình bày gửi Tòa án như sau: Anh với chị Trần Thị N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Quá trình sống chung sau khi kết hôn giữa anh và chị N có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do năm 2016 anh phát hiện chị N có quan hệ với người khác và chị N đi theo người đó. Đến tháng 01/2017 do anh vi phạm pháp luật bị Tòa án xử phạt tù nên tình cảm vợ chồng rạn nứt. Nay chị N có đơn xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Chí Vĩ, sinh ngày 11/8/2012. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Chí Vĩ và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, công sức, về nợ: Không có.

- Tại phiên tòa: Chị Trần Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh Nguyễn Tiến D và xin được nuôi cháu Nguyễn Chí Vĩ. Bà Nguyễn Thị C trình bày, cháu Nguyễn Chí Vĩ từ khi còn nhỏ đến nay đều do ông bà nuôi dưỡng, phía chị N nay đã có con riêng và có khó khăn về kinh tế, điều kiện nuôi dưỡng con nên đề nghị Tòa án giao cháu Vĩ cho anh D nuôi. Hiện nay anh D đang đi chấp hành án chưa về thì ông bà sẽ nuôi cháu Vĩ, ông bà có đầy đủ điều kiện để nuôi cháu đảm bảo. Ngoài ra, bà không yêu cầu, đề nghị gì khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án

trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và tại phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N, xử cho chị N được ly hôn anh Nguyễn Tiến D. Con chung, giao cho chị N nuôi cháu Nguyễn Chí Vĩ, sinh ngày 11/8/2012. Chị N không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh D. Về tài sản, công sức, nợ không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị N có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn anh Nguyễn Tiến D có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã Đ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, đây là quan hệ về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Tiến D hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Phong, Bộ Công an và anh D đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn của anh D đã được Trại giam Thanh Phong gửi Tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo qui định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Tiến D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội vào ngày 28/2/2012 nên xác định là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào lời trình bày của chị Trần Thị N và anh Nguyễn Tiến D, cũng như các tài liệu điều tra thấy rằng: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Tiến D sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do trong cuộc sống chung giữa chị N, anh D bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung nên chị N đã đi khỏi nhà anh D từ đó đến nay. Mặt khác, từ tháng 01/2017 do anh D vi phạm pháp luật bị Tòa án xử phạt tù và phải đi chấp hành án nên chị N và anh D không sống chung cùng với nhau. Đến nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có đơn ly hôn anh D. Phía anh D có ý kiến trình bày đồng ý ly hôn với chị N.

Xét giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Tiến D trong cuộc sống chung đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích quan hệ hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không còn tồn tại. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N đối với anh Nguyễn Tiến D là phù hợp.

[3] Con chung: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Tiến D có 01 con chung là cháu Nguyễn Chí Vĩ, sinh ngày 11/8/2012 hiện đang ở với ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị C (là bố mẹ đẻ anh D). Xét việc nuôi con khi ly hôn không những là quyền mà còn là nghĩa vụ của bố, mẹ đối với con chung, anh Nguyễn Tiến D hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam nên không có điều kiện để nuôi con. Phía chị N có đủ các điều kiện và chị có nguyện vọng được nuôi con, vì vậy Hội đồng xét xử xét chấp nhận giao cháu Nguyễn Chí Vĩ cho chị N nuôi là phù hợp với quy định tại các Điều 80, 81, 82 của Luật hôn nhân gia đình.

Chị Trần Thị N không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Tiến D cho đến khi chị N có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh Nguyễn Tiến D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản, công sức với hai bên gia đình, về nợ: Chị Trần Thị N, anh Nguyễn Tiến D đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí, quyền kháng cáo: Chị Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; 58; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Trần Thị N.

Chị Trần Thị N được ly hôn anh Nguyễn Tiến D.

2. Con chung: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Tiến D có 01 con chung là cháu Nguyễn Chí Vĩ, sinh ngày 11/8/2012. Giao cháu Nguyễn Chí Vĩ cho chị Trần Thị N nuôi cho đến khi cháu Nguyễn Chí Vĩ đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chị Trần Thị N không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Tiến D cho đến khi chị Trần Thị N có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Nguyễn Tiến D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công sức, về nợ: Chị Trần Thị N, anh Nguyễn Tiến D đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Trần Thị N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002555 ngày 09/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Tiến D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng;
- UBND xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Văn Tuyến